

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ CỦA XÂM HẠI TÌNH DỤC TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỜNG MINH XUÂN, TỈNH TUYỀN QUANG

Chu Thị Mỹ Nga*, Hà Thị Nguyệt
Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục, Trường Đại học Tân Trào
*Email: ctmnga@tqu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng nhận thức của học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) phường Minh Xuân, tỉnh Tuyen Quang về nguyên nhân và hậu quả của xâm hại tình dục (XHTD) trên không gian mạng (KGM). Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng HS có nhận thức tương đối đầy đủ về các nguyên nhân như thiếu kỹ năng an toàn số, sự tò mò, chia sẻ thông tin cá nhân và vai trò giám sát của gia đình. Đồng thời, HS cũng nhận thức rõ các hậu quả nghiêm trọng về tâm lý, học tập và sức khỏe, tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong nhận thức về các hệ quả cực đoan như nguy cơ tử vong. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để khuyến nghị các lực lượng giáo dục xây dựng các nội dung giáo dục phòng chống XHTD trên KGM cho HS THCS trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Xâm hại tình dục trên không gian mạng; học sinh THCS; nhận thức của học sinh THCS; nguyên nhân của xâm hại tình dục; hậu quả của xâm hại tình dục; an toàn số.

THE CURRENT STATE OF AWARENESS OF THE CAUSES AND CONSEQUENCES OF ONLINE SEXUAL ABUSE AMONG LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN MINH XUAN WARD, TUYEN QUANG PROVINCE

Abstract: This study focuses on analyzing the current state of lower secondary school students' awareness in Minh Xuan Ward, Tuyen Quang Province regarding the causes and consequences of online sexual abuse. The study employed a questionnaire-based survey method. The findings indicate that students have a relatively comprehensive awareness of key causes, including a lack of digital safety skills, curiosity, excessive sharing of personal information, and the role of family supervision. At the same time, students demonstrate a clear awareness of the serious consequences affecting psychological well-being, academic performance, and physical health. However, their understanding remains limited with regard to extreme outcomes, such as the risk of death. The findings provide important empirical evidence for recommending that educational stakeholders develop appropriate content for preventing online sexual abuse among lower secondary school students in the current context.

Keywords: Online sexual abuse; lower secondary school students; students' awareness; causes of online sexual abuse; consequences of online sexual abuse; digital safety.

Nhận bài: 08/03/2026

Phản biện: 08/04/2026

Duyệt đăng: 11/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, không gian mạng đã trở thành một môi trường xã hội đặc thù, nơi HS không chỉ tiếp cận thông tin mà còn tham gia sâu vào các tương tác xã hội, giao tiếp và hình thành bản sắc cá nhân. Tuy nhiên, chính những đặc trưng của không gian này như tính ẩn danh, khả năng kết nối không giới hạn, tốc độ lan truyền nhanh và khó kiểm soát đã tạo điều kiện cho nhiều dạng hành vi lệch chuẩn phát triển, trong đó có XHTD trên KGM.

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy hành vi XHTD trên KGM như dụ dỗ, tống tiền tình dục và ép buộc chia sẻ hình ảnh nhạy cảm diễn ra phổ biến, đặc biệt ở nhóm thanh thiếu niên, đối tượng có mức độ tham gia cao vào môi trường số (Jonsson và c.s., 2019; Finkelhor và c.s., 2022). Nghiên cứu của Finkelhor và cộng sự (2022) chỉ ra rằng, 81,8% thanh thiếu niên từ 13 đến 17 tuổi

tham gia các tương tác trực tuyến có yếu tố rủi ro, trong đó một bộ phận không nhỏ bị ép buộc hoặc bị thao túng để chia sẻ hình ảnh riêng tư, khoảng 35 - 52% thủ phạm là người đồng trang lứa. Nhiều nghiên cứu đã xác định các hành vi nguy cơ gia tăng khả năng bị xâm hại, như: chia sẻ thông tin cá nhân, tham gia trò chuyện có yếu tố tình dục, gửi hình ảnh nhạy cảm hoặc kết bạn với người lạ trên mạng (Jonsson và c.s., 2019; Nguyễn Lê Hoài Anh, 2015; Nguyễn Mai Hương & Nguyễn Thu Trang, 2020). Bên cạnh đó, các yếu tố tâm lý - xã hội và môi trường cũng góp phần làm trầm trọng thêm nguy cơ XHTD trên KGM. Học sinh có sức khỏe tâm thần kém hoặc lòng tự trọng thấp có nguy cơ bị lạm dụng lặp lại cao gấp nhiều lần (Jonsson và c.s., 2019). Sự thiếu giám sát của gia đình, nhận thức hạn chế của cha mẹ, sự phát triển nhanh của công nghệ vượt khả năng kiểm soát,

cũng đã tạo ra những khoảng trống trong việc bảo vệ HS. Hậu quả của XHTD trên KGM ở nạn nhân được chứng minh là đặc biệt nghiêm trọng và kéo dài như: nguy cơ mắc các rối loạn tâm thần cao hơn đáng kể so với các dạng xâm hại truyền thống, với khả năng trầm cảm cao gấp 3,77 lần, rối loạn căng thẳng sau sang chấn cao gấp 2,14 lần (Say và c.s., 2015); cảm giác xấu hổ, tự trách, suy giảm kết quả học tập, cô lập xã hội và nguy cơ tái tổn thương do hình ảnh bị lan truyền nhiều lần có thể kéo dài đến tuổi trưởng thành (Hamilton-Giachritsis và c.s., 2017; ECPAT International, 2020); đặc biệt, những tổn thương ở nạn nhân không dừng lại ở một thời điểm mà còn có thể lặp lại mỗi khi nội dung bị phát tán lại, làm cho quá trình hồi phục tâm lý trở nên khó khăn ở nhiều trường hợp.

Nhận thức đúng và đầy đủ về nguyên nhân và hậu quả của XHTD trên KGM có vai trò định hướng trực tiếp đến hành vi phòng ngừa và ứng phó với XHTD trên KGM. Việc nghiên cứu thực trạng nhận thức của HS THCS về nguyên nhân và hậu quả của XHTD trên KGM có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho công tác giáo dục an toàn số, đồng thời là nền tảng để thiết kế các chương trình giáo dục kỹ năng phòng chống XHTD trên KGM phù hợp. Tuy nhiên, tại khu vực miền núi, trong đó có phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang, vấn đề này chưa được nghiên cứu sâu. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm làm rõ thực trạng nhận thức về nguyên nhân và hậu quả của XHTD trên KGM của HS THCS trên địa bàn phường Minh Xuân, từ đó khuyến nghị đến các lực lượng giáo dục trong việc xây dựng các nội dung giáo dục phòng chống XHTD trên KGM cho HS THCS cụ thể và sát với thực tiễn hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp khảo sát định lượng thông qua bảng hỏi đối với 370 học sinh HS trung học cơ sở THCS tại phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. Sử dụng thang đo Likert 4 mức độ từ “Không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý” nhằm đánh giá mức độ nhận thức của HS, cụ thể: Không đồng ý = 1 điểm; Đồng ý một chút = 2 điểm; Đồng ý = 3 điểm; Hoàn toàn đồng ý = 4 điểm; $(Max - Min)/n = (4 - 1)/4 = 0,75$, cụ thể: Điểm trung bình từ 1,00 - 1,75 được xác định ở mức thấp; từ 1,76 - 2,50 ở mức trung bình thấp; từ 2,51 - 3,25 ở mức trung bình cao; từ 3,26 - 4,00 ở mức cao; Nội dung khảo sát tập trung vào hai nhóm vấn đề chính, bao gồm: 1) nhận thức của HS về các nguyên nhân dẫn đến xâm hại tình dục trên không gian mạng (5 nội dung); 2) nhận thức của HS về các hậu quả của xâm hại tình dục trên không gian mạng (6 nội dung). Dữ liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), qua đó phản ánh mức độ nhận thức và sự phân tán trong ý kiến của HS đối với từng nội dung khảo sát.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân của xâm hại tình dục trên không gian mạng của HS THCS phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang

Nhận thức được các nguyên nhân của XHTD trên KGM có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp HS nhận diện được các yếu tố nguy cơ để từ đó điều chỉnh hành vi tương tác trực tuyến theo hướng an toàn và phòng ngừa phù hợp trong môi trường công nghệ số. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến XHTD trên KGM, nghiên cứu tiến hành khảo sát nhận thức của HS về 5 nguyên nhân chủ yếu. Kết quả thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát nhận thức về nguyên nhân XHTD trên KGM của HS THCS phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang

TT	Nguyên nhân	N	Mức độ				ĐTB	ĐLC	TB
			1	2	3	4			
			%	%	%	%			
1	Thiếu hiểu biết về kỹ năng an toàn trên mạng	370	8,9	5,4	44,3	41,4	3,18	0,89	1
2	Chia sẻ thông tin cá nhân quá nhiều trên mạng	370	13,2	9,2	42,7	34,9	2,99	0,98	3
3	Tò mò, cả tin, bị kẻ xấu lợi dụng	370	10,3	5,7	43,2	40,8	3,15	0,92	2
4	Do sự quản lý, giám sát của gia đình lỏng lẻo	370	10,0	14,3	45,7	30,0	2,96	0,91	4
5	Do dành thời gian quá nhiều trên các nền tảng mạng xã hội	370	13,5	25,1	36,2	25,1	2,73	0,98	5

Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 1 cho thấy HS THCS có nhận thức tương đối rõ về các nguyên nhân dẫn đến XHTD trên KGM, với ĐTB của các nguyên nhân dao động từ 2,73 đến 3,18, chủ yếu nằm trong khoảng trung bình cao. Cho thấy HS đã bước đầu nhận diện được các yếu tố nguy cơ cơ bản, tuy nhiên mức độ nhận thức giữa các nguyên nhân còn có sự khác biệt nhất định. Trong đó, nguyên nhân “*thiếu hiểu biết về kỹ năng an toàn trên mạng*” được HS đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,18; ĐLC = 0,89), với 85,7% học sinh lựa chọn mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”. Kết quả này cho thấy HS đã nhận thức khá rõ vai trò của kỹ năng an toàn số như một yếu tố then chốt trong phòng ngừa nguy cơ bị XHTD trên KGM. Đồng thời, ĐLC tương đối thấp cho thấy mức độ đồng thuận cao giữa các HS, phản ánh sự thống nhất trong nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố này. Đứng thứ hai là nguyên nhân “*tò mò, cá tin, dễ bị kẻ xấu lợi dụng*” (ĐTB = 3,15; ĐLC = 0,92), với 84,0% HS đồng thuận ở mức cao. Kết quả này cho thấy HS đã bước đầu nhận thức được những hạn chế về tâm lý lứa tuổi (đặc biệt là sự tò mò và thiếu kinh nghiệm) như những yếu tố làm gia tăng nguy cơ bị XHTD trên KGM. Tuy nhiên, ĐLC cao hơn so với nguyên nhân đứng đầu cho thấy vẫn tồn tại sự khác biệt nhất định trong mức độ nhận thức giữa các HS. Đối với các nguyên nhân liên quan đến hành vi sử dụng mạng, “*chia sẻ thông tin cá nhân quá nhiều trên mạng*” (ĐTB = 2,99; ĐLC = 0,98), với 77,6% HS lựa chọn mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”. Mặc dù được đánh giá ở mức khá, song kết quả này cho thấy một bộ phận HS vẫn chưa nhận thức đầy đủ về rủi ro của việc chia sẻ thông tin cá nhân trong môi trường số. Tương tự, nguyên nhân “*sự quản lý, giám sát của gia đình còn lỏng lẻo*” (ĐTB = 2,96; ĐLC = 0,91), cho thấy HS đã bước đầu nhận thức được vai trò của gia đình trong việc bảo vệ và định hướng hành vi trực tuyến, nhưng mức độ đồng thuận chưa thực sự cao và còn phân tán. Đáng chú ý, nguyên nhân “*dành thời gian quá nhiều trên các nền tảng mạng xã hội*” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 2,73; ĐLC = 0,98), với chỉ 61,3% học sinh “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”. Kết quả này cho thấy HS chưa nhận thức đầy đủ mối liên hệ giữa thời gian sử dụng mạng xã hội kéo dài và nguy cơ bị XHTD trên KGM, mặc dù đây là yếu tố đã được nhiều nghiên cứu khẳng định là có ảnh hưởng đáng kể. Đồng thời, ĐLC tương đối cao cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong nhận thức của HS đối với nguyên nhân này.

Kết quả chung cho thấy nhận thức của HS có xu hướng tập trung nhiều vào các yếu tố cá nhân trực tiếp (như kỹ năng an toàn trên mạng, đặc điểm tâm lý cá nhân), trong khi đó các yếu tố mang tính

môi trường và hành vi gián tiếp (vai trò của gia đình, thời gian sử dụng mạng xã hội) chưa được HS nhận diện đầy đủ.

2.2.2. Nhận thức về hậu quả của xâm hại tình dục trên không gian mạng của HS THCS phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang

HS THCS phường Minh Xuân có nhận thức khá đầy đủ về hậu quả của XHTD trên KGM, với ĐTB của các nội dung dao động từ 3,22 đến 3,53, chủ yếu thuộc mức cao. Trong đó, các hậu quả liên quan đến tổn thương tâm lý được HS nhận thức rõ nhất. Cụ thể, hậu quả “*sợ hãi, xấu hổ, mất tự tin, trầm cảm*” có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,53; ĐLC = 0,75), với 92,7% HS lựa chọn mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”; tiếp đến là hậu quả “*gây tổn thương tâm lý nghiêm trọng cho nạn nhân*” (ĐTB = 3,51; ĐLC = 0,76). Kết quả này cho thấy HS đã nhận thức tương đối rõ những tác động tiêu cực của XHTD trên KGM đối với sức khỏe tinh thần, phù hợp với các bằng chứng nghiên cứu trước đây về nguy cơ gia tăng các rối loạn tâm lý ở nạn nhân. Bên cạnh đó, HS cũng thể hiện mức độ nhận thức cao đối với các hậu quả mang tính lâu dài, như “*ảnh hưởng đến học tập và cuộc sống*” (ĐTB = 3,49; ĐLC = 0,74), với 92,9% HS đồng thuận ở mức cao, cho thấy các em đã bước đầu nhận thức được rằng XHTD trên KGM không chỉ gây tác động tức thời mà còn ảnh hưởng lâu dài đến quá trình học tập và sự phát triển của mỗi cá nhân. Các hậu quả liên quan đến sức khỏe thể chất “*Gây ra các ảnh hưởng về sức khỏe thể chất: suy nhược thần kinh, mất ngủ, mệt mỏi...*” cũng được đánh giá ở mức cao (ĐTB = 3,45; ĐLC = 0,76), phản ánh sự hiểu biết tương đối đầy đủ của HS về những biểu hiện như mất ngủ, mệt mỏi, suy nhược... Đồng thời, hậu quả “*hình ảnh, thông tin bị phát tán trên mạng rất khó xóa bỏ hoàn toàn*” (ĐTB = 3,34; ĐLC = 0,78), cho thấy HS đã bước đầu nhận thức được đặc trưng của dấu vết lưu lại trên môi trường số và tính lan truyền lâu dài của các thông tin trên KGM; Tuy nhiên, so với các nội dung khác, hậu quả “*có thể dẫn đến cái chết*” có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 3,22; ĐLC = 0,85), với tỷ lệ HS lựa chọn các mức đồng thuận thấp hơn tương đối. Điều này cho thấy nhận thức của HS về những hậu quả cực đoan và nghiêm trọng nhất của XHTD trên KGM còn chưa thực sự đầy đủ và chưa đồng đều giữa các cá nhân. Đồng thời, ĐLC ở nội dung này cao hơn so với các nội dung khác cũng phản ánh sự phân hóa rõ rệt trong nhận thức của HS THCS.

Kết quả khảo sát nhận thức của HS về hậu quả của XHTD trên KGM cho thấy HS có xu hướng nhận thức rõ hơn các hậu quả trực tiếp và dễ quan

sát, đặc biệt là ở khía cạnh tâm lý - xã hội, trong khi nhận thức về mức độ nghiêm trọng của hậu quả vẫn còn hạn chế. Do đó, trong giáo dục phòng ngừa XHTD trên KGM cần chú trọng hơn đến việc làm rõ tính chất nghiêm trọng và hệ quả lâu dài của XHTD trên KGM, nhằm nâng cao nhận thức toàn diện về XHTD trên KGM đồng thời tăng cường động cơ tự bảo vệ của bản thân các em HS.

III. KẾT LUẬN

Học sinh THCS phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang có mức độ nhận thức tương đối tốt về nguyên nhân và hậu quả của XHTD trên KGM (ĐTB các nội dung khảo sát chủ yếu ở mức trung bình cao đến cao). Tuy nhiên, nhận thức của HS chưa thực sự toàn diện và còn thiên lệch (xu hướng tập trung vào các yếu tố mang tính cá nhân trực tiếp, trong khi các yếu tố nguy cơ mang tính bối cảnh và hành vi gián tiếp chưa được đánh giá đúng mức). Đồng thời, nhận thức về mức độ nghiêm trọng tối đa của hậu quả, đặc biệt là các hệ quả cực đoan như nguy cơ tử vong hoặc tổn thương kéo dài không thể phục hồi, còn chưa đầy đủ và chưa đồng đều giữa các HS. Do đó, việc nâng cao nhận thức theo hướng toàn diện, hệ thống và gắn với đặc trưng môi trường số là yêu cầu cấp thiết trong giáo dục phòng ngừa XHTD trên KGM cho HS THCS phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang hiện nay.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng, chúng tôi khuyến nghị:

Đối với nhà trường: Nhà trường giữ vai trò chủ đạo: Thiết kế nội dung giáo dục có cấu trúc hệ thống, bao quát đầy đủ các nhóm nguyên nhân và hậu quả của XHTD trên KGM; Tích hợp giáo dục kỹ năng an toàn số, kỹ năng phòng ngừa xâm hại và bạo lực mạng vào các môn học phù hợp (Tin học, Giáo dục công dân, Ngữ văn...) và hoạt động trải nghiệm, đảm bảo HS không chỉ nhận

thức đúng và đầy đủ mà còn vận dụng được trong các tình huống thực tiễn; Tăng cường các phương pháp giáo dục tích cực như tình huống, đóng vai, thảo luận nhóm, nhằm giúp HS nhận diện các yếu tố nguy cơ gián tiếp và nâng cao khả năng ra quyết định an toàn trên môi trường số.

Đối với gia đình: Gia đình cần được xác định là lực lượng phối hợp quan trọng, với các định hướng: Nâng cao nhận thức của cha mẹ về các nguy cơ trên KGM, đặc biệt là các hình thức xâm hại mới (dụ dỗ, tống tiền qua hình ảnh...); Tăng cường giám sát phù hợp việc sử dụng thiết bị số của con, kết hợp với trò chuyện, đối thoại cởi mở thay vì kiểm soát cứng nhắc, nhằm giúp trẻ chủ động chia sẻ khi gặp rủi ro; Hỗ trợ HS về mặt tâm lý, góp phần giảm các yếu tố dễ bị tổn thương như cô lập xã hội, thiếu tự tin.

Đối với cộng đồng và chính sách: Phát triển các chương trình truyền thông giáo dục về an toàn số phù hợp với lứa tuổi HS THCS, đặc biệt tại khu vực miền núi; Tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội (đoàn thể, chuyên gia tâm lý, cán bộ an ninh mạng) trong việc hỗ trợ giáo dục và phòng ngừa XHTD trên KGM cho HS; Hoàn thiện các cơ chế phối hợp giữa các lực lượng theo hướng tiếp cận phối hợp, tạo môi trường giáo dục thống nhất và liên tục trong giáo dục HS.

Định hướng các nghiên cứu tiếp theo: Nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ và hành vi của HS trong phòng chống XHTD trên KGM; Xây dựng và kiểm định mô hình giáo dục kỹ năng phòng chống XHTD trên KGM cho HS THCS theo tiếp cận phối hợp phù hợp với bối cảnh miền núi; Mở rộng nghiên cứu theo hướng so sánh giữa các nhóm đối tượng (giới tính, khối lớp, khu vực) nhằm làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của HS THCS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ECPAT International. (2020). *Summary paper on online child sexual exploitation*. ECPAT International.
- Finkelhor, D., Turner, H., & Colburn, D. (2022). Prevalence of online sexual offenses against children in the US. *JAMA Network Open*, 5(10), e2234471. <https://doi.org/10.1001/jamanetworkopen.2022.34471>
- Hamilton-Giachritsis, C., Hanson, E., Whittle, H., & Beech, A. (2017). "Everyone deserves to be happy and safe": A mixed methods study exploring how online and offline child sexual abuse impact young people and how professionals respond to it. NSPCC.
- Jonsson, L., Priebe, G., Bladh, M., & Svedin, C. G. (2019). Online sexual abuse of adolescents by a perpetrator met online: A cross-sectional study. *Child and Adolescent Psychiatry and Mental Health*, 13, Article 52. <https://doi.org/10.1186/s13034-019-0299-3>
- Nguyễn Lê Hoài Anh (2015). Nguy cơ xâm hại tình dục qua mạng internet và các biện pháp phòng tránh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*.
- Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thu Trang (2020). Nhận thức của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em qua mạng – Một số giải pháp phòng ngừa (Nghiên cứu trường hợp tại một số trường trung học cơ sở thành phố Hà Nội). *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 65(5).
- Say, G. N., Babadağı, Z., Karabekiroğlu, K., Yüce, M., & Akbaş, S. (2015). Abuse characteristics and psychiatric consequences associated with online sexual abuse. *Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking*, 18(6), 333–336. <https://doi.org/10.1089/cyber.2014.0494>